CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG
3/191 LẠC LONG QUÂN - NGHĨA ĐÔ- CẦU GIẤY - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 04 7534862; FAX: 04 8361898

Mẫu số: B 01-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu quý
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**50,952,094,271**	**43,556,768,664**
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**3,723,988,602**	**2,101,467,026**
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	V.02	-	**7,000,000,000**
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**9,859,692,809**	**6,726,694,227**
IV- Hàng tồn kho	**140**		**33,779,413,186**	**25,439,468,781**
V- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3,588,999,674**	**2,289,138,630**
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	**200**		**34,100,258,869**	**34,105,986,695**
I- Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**5,126,698,891**	**5,126,698,891**
II- Tài sản cố định	**220**		**25,525,597,532**	**25,568,776,263**
1- Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	24,572,010,800	24,572,010,800
2- Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
3- Tài sản cố định vô hình	227	V.10	283,733,364	283,733,364
4- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	713,032,099	713,032,099
III- Bất động sản đầu tư	**240**	**V.12**	-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**3,086,300,000**	**3,086,300,000**
V- Tài sản dài hạn khác	**260**		**361,662,446**	**324,211,541**
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**85,052,353,140**	**77,662,755,359**
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**54,056,098,366**	**46,419,195,595**
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**39,378,210,631**	**30,755,510,788**
II- Nợ dài hạn	**330**		**14,677,887,735**	**15,663,684,807**
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**30,996,254,501**	**31,243,559,764**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.22**	**30,841,912,805**	**30,922,606,035**
1- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18,000,000,000	18,000,000,000
2- Thặng dư vốn cổ phần	412			-
3- Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4- Cổ phiếu ngân quỹ (*)	414		(11,800,000)	(11,800,000)
5- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG
3/191 LẠC LONG QUÂN - NGHĨA ĐÔ- CẦU GIẤY - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 04 7534862; FAX: 04 8361898

3666
22/7/08

Mẫu số: B 02b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 2/2008

Đơn vị tính: Đồng Việt nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Luỹ kế đến cuối quý I	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.25**	**9,257,401,530**	**4,411,106,305**	**31,534,946,681**	**20,827,521,700**
2- Các khoản giảm trừ doanh thu	02		172,115,926	200,573,614	3,161,108,201	2,756,364,393
3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9,085,285,604	4,210,532,691	28,373,838,480	18,071,157,307
4- Giá vốn hàng bán	11	VI.27	8,252,235,844	3,690,825,559	26,406,792,772	14,961,198,061
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**833,049,760**	**519,707,132**	**1,967,045,708**	**3,109,959,246**
6- Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	109,730,411	116,195,220	146,160,677	178,213,678
7- Chi phí tài chính	22	VI.28	253,322,577	-	255,249,830	900,445,927
8- Chi phí bán hàng	24		355,540,333	209,718,837	701,534,543	1,306,610,931
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		356,752,809	327,981,535	849,413,235	870,553,389
10- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(22,835,548)**	**98,201,980**	**307,008,777**	**210,562,677**
11- Thu nhập khác	31		160,000,000	5,342,400	170,416,755	85,478,400
12- Chi phí khác	32		92,400,000	5,344,788	97,235,352	122,000,593
13- Lợi nhuận khác	40		67,600,000	(2,388)	73,181,403	(36,522,193)
14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	**50**		**44,764,452**	**98,199,592**	**380,190,180**	**174,040,484**
15- Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	12,534,046	27,495,886	106,453,250	48,731,335

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Luỹ kế đến cuối quý I	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30			-	-
17- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**32,230,406**	**70,703,706**	**273,736,930**	**125,309,149**
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		18	39	152	70

Lập ngày 21 tháng 7 năm 2008

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
		CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG
		Hoàng Minh Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG
3/191 LẠC LONG QUÂN - NGHĨA ĐÔ- CẦU GIẤY - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 04 7534862; FAX: 04 8361898

Mẫu số: B 03-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý 2/2008

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1- Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		39,905,744,843	35,681,831,033
2- Tiền chi trả cho người CCHH và dịch vụ	02		22,156,350,713	8,804,684,986
3- Tiền chi trả cho người lao động	03		3,491,759,554	3,399,511,151
4- Tiền chi trả lãi vay	04		810,554,652	900,445,927
5- Tiền chi nộp thuế	05		412,611,771	13,552,924,622
6- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3,004,264,487	626,150,249
7- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		13,701,832,078	1,211,171,311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		***2,336,900,562***	***8,439,243,285***
II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1- Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn ≠	21		94,969,727	10,854,000
2- Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn	22			
3- Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		7,000,000,000	5,000,000,000
4- Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khá	24		7,000,000,000	5,000,000,000
5- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			3,086,300,000
6- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7- Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		126,478,679	163,003,747
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		***31,508,952***	***(2,934,150,253)***
III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,885,225,492	4,305,490,288
4- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		8,289,646,455	20,420,559,663
5- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		31,730,781	2,518,348,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		***(6,436,151,744)***	***(18,633,417,375)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4,067,742,230)	**(13,128,324,343)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7,791,730,832	16,895,591,759
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	**3,723,988,602**	**3,767,267,416**

Lập ngày 21 tháng 7 năm 2008

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
		Hoàng Minh Thọ

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	44%	40%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	56%	60%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	60%	64%
	- Nguồn vốn Chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	40%	36%
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.59	0.44
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.42	1.29
4	Tỉ suất lợi nhuận			
	- Tỉ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0.13%	0.05%
	- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1.68%	0.35%
	- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	0.23%	0.10%

Hà Nội ngày 21 tháng 7 năm 2008

Giám Đốc Công Ty

SĐKKD - 0103001012 - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG
Q. CẦU GIẤY - TP HÀ NỘI

Hoàng Minh Tho